

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST

Ngày: 20 / 8 / 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bích Tuyền;

2. Ông Lý Vĩnh Thành.

Thư ký phiên tòa: Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1997; Quê quán: An Phú – An Giang; Nơi cư trú: ấp P, xã D, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1970 và bà Lê Ngọc S, sinh năm 1970; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thái B, sinh năm 1998; Quê quán: Tân Châu – An Giang; Nơi cư trú: số 3/4, đường N, khóm L, phường H, thị xã G, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (chết) và bà Nguyễn Thúy D (chết).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/01/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Huỳnh Thị H, sinh năm 1953, nơi cư trú: số 3/4, đường N, khóm L, phường H, thị xã G, tỉnh An Giang; có mặt;

2. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1970, nơi cư trú: ấp P, xã D, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt;

3. Bà Nguyễn Lâm Yến Tr, sinh năm 1983, nơi cư trú: khóm G, phường H, thị xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Em Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ 14, khóm O, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Em Trần Văn A (Cu L), sinh năm 2004; nơi cư trú: tổ 17, khóm T, phường N, thành phố D; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Trần Văn A: Bà Cao Thị Kim V, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 17, khóm T, phường N, thành phố D; có mặt.

3. Em Huỳnh Nhựt Ph1, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ 8, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4. Em Trương Trọng T, sinh năm 2004; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Trương Trọng T: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 02/01/2019, tại khu vực tổ 26, khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, Công an phường Châu Phú A phối hợp Đội Cảnh sát đặc nhiệm, công an thành phố Châu Đốc bắt quả tang Nguyễn Thái B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ: 01 bọc nilon màu trắng, hàn kín một đầu, có một đầu bóp bên trong có tinh thể màu trắng. B khai ma túy bị thu giữ mua của Nguyễn Hữu Kh để sử dụng.

Sau đó, lực lượng tuần tra đến khu vực cầu Cồn Tiên thuộc tổ 09, khóm 2, phường Châu Phú A bắt và lập biên bản phạm tội quả tang Nguyễn Hữu Kh, thu giữ 01 bọc nilon màu trắng, hàn kín, có một đầu bóp viên màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng. Kh khai ma túy đá bị thu giữ là của bị cáo mua của Lâm Thành Nhân (B Hí) để bán lại và sử dụng.

*** Vật chứng thu giữ của Nguyễn Thái B:**

- 01 bọc nilon màu trắng có một đầu bóp viên màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng;

- 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, số imei 356951062991462 cùng sim điện thoại mạng Vinaphone;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu đen, biển số 67M2-0719.

* Vật chứng thu giữ của Nguyễn Hữu Kh:

- 01 bọc nilon màu trắng, hàn kín, có một đầu bóp viên màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng;

- 01 điện thoại Iphone màu xám số imei 3544447066400222 cùng 01 sim điện thoại mạng Viettel;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Future màu đỏ, biển số 67G1-317.98;

- Tiền Việt Nam 1.030.000 đồng.

Kết luận giám định số 12/KLGT-PC09 (MT) ngày 18/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,2946 gam (thu giữ của Nguyễn Thái B).

Kết luận giám định số 13/KLGT-PC09(MT) ngày 09/01/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1069 gam (thu giữ của Nguyễn Hữu Kh).

Ngày 10/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Hữu Kh.

Ngày 25/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Thái B.

Ngày 18/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định nhập vụ án hình sự số 06 nhập vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” với vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” gọi chung là vụ án “Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKSCĐ ngày 16/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Kh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Thái B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Hữu Kh và Nguyễn Thái B thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo Kh, B không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Kh, bị cáo có hành vi mua ma túy sau đó đem bán lại nhiều lần cho nhiều người, số lượng ma túy bị cáo bị bắt quả tang là 0,1069 gam Methamphetamine. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Do đó hành vi của bị cáo Kh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Đối với bị cáo Nguyễn Thái B, bị cáo có hành vi cất giấu để sử dụng trái pháp luật chất ma túy với khối lượng 0,2946 gam loại Methamphetamine. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Do đó hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Kh còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Kh từ 7 năm đến 8 năm tù; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về áp dụng biện pháp tư pháp, trong thời gian bị cáo Kh mua bán ma túy, bị cáo khai nhận hưởng lợi được số tiền 9.000.000 đồng, đề nghị buộc bị cáo Kh

có trách nhiệm giao nộp lại số tiền đã thu lợi từ hành vi phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu Kh từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và xử lý các vật chứng đã thu giữ trong vụ án theo luật định.

Đối với Huỳnh Nhật Ph1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính. Riêng Trần Văn A chưa đủ tuổi xử lý hành chính giao chính quyền địa phương giám sát, giáo dục.

Đối với Lâm Thành Nhân (B Hí) bán ma túy cho Kh; các đối tượng Hằng, Báo, Keo (không rõ địa chỉ) đã mua ma túy của Kh hiện đã bỏ địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Tr); người làm chứng (Phuong, An, Ph1, Tín, S) vắng mặt; các bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của họ. Xét, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung:

[4] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Nguyễn Hữu Kh khai nhận, từ tháng 10/2018 đến ngày bị bắt quả tang, bị cáo đã nhiều lần mua ma túy của Nhân (B Hí) về bán lại cho nhiều người nghiện cụ thể bán cho B 08 lần, mỗi lần 500.000 đồng; A (Cu L) 03 lần,

mỗi lần 100.000 đồng; Ph1 04 lần, mỗi lần 300.000 đồng; Keo 06 lần, mỗi lần 400.000 đồng; Báo 05 lần, mỗi lần 200.000 đồng; Hằng 03 lần, mỗi lần 700.000 đồng và nhiều người nghiện khác (không rõ họ tên, địa chỉ). Ma túy thu giữ khi bắt quả tang bị cáo cất giấu để bán lại cho các đối tượng nghiện; điện thoại sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy; số tiền 1.030.000 đồng bán ma túy mà có; xe mô tô biển số 67G1-317.98 mượn của cha ruột tên Nguyễn Hữu D để làm phương tiện đi lại. Trong thời gian mua bán ma túy đến ngày bị bắt quả tang bị cáo thu lợi số tiền 9.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thái B khai nhận, bị cáo nghiện và sử dụng ma túy từ năm 2016 có mua ma túy của Kh khoảng 4 đến 5 lần, mỗi lần từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy tại khu vực đầu cầu Cồn Tiên. Điện thoại di động bị thu giữ bị cáo dùng để liên lạc cá nhân và gọi cho Kh mua ma túy sử dụng. Xe mô tô biển số 67M2-0719, bị cáo mượn của bà Lê Huỳnh Thị H, bà Huỳnh không biết bị cáo mượn xe để mua ma túy sử dụng.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, tàng trữ, loại ma túy và giá tiền mà các bị cáo đã mua, bán ma túy. Ngoài ra, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đối với bị cáo Nguyễn Hữu Kh, bị cáo có hành vi mua và sau đó bán lại ma túy cho các đối tượng nghiện để kiếm lời, số lượng ma túy bị cáo Kh bị bắt quả tang xác định 0,1069 gam Methamphetamine. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán và tàng trữ ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Kh khai nhận bán ma túy cho nhiều người, mỗi người nhiều lần và được các đối tượng (Phương, Ph1, A, Tín) xác nhận. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo Kh với tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên”; “đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với bị cáo B đã có hành vi cất giấu để sử dụng trái pháp luật chất ma túy với khối lượng 0,2946 gam loại Methamphetamine. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán và tàng trữ ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với B.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa và lời buộc tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đang ở độ tuổi lao động, đáng lẽ, các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình, nhưng không làm thế các bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là sự tiếp tay cho lượng người nghiện ma túy ngày càng tăng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà Nhà nước, xã hội đang ra sức thực hiện.

Do đó cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để các bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Kh còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú quy định tại điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[6] Hình phạt bổ sung:

Nhận thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thuộc thành phần lao động, thu lợi từ hành vi bán ma túy không lớn, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Biện pháp tư pháp:

Ngoài lời khai của bị cáo Kh về số tiền thu lợi từ việc mua bán ma túy là 9.000.000 đồng, không còn nguồn chứng cứ nào khác để xác định nên chấp nhận số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội như lời khai nhận của bị cáo, xét buộc bị cáo Kh có trách nhiệm giao nộp 9.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[8] Xử lý vật chứng:

- Đối với phong bì ghi niêm phong vụ 12/KLGT-PC09 (MT) ngày 18/01/2019 và phong bì ghi niêm phong vụ 13/KLGT-PC09 (MT) ngày 09/01/2019, bên ngoài có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Kiều Thúy, Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận, là vật cầm lưu hành, xét tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số imei 3544447066400222 cùng 01 sim điện thoại Viettel số 89840; 48008; 82324; 5466 (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, số imei 356951062991462 mặt sau điện thoại bị trầy cùng sim điện thoại Vinaphone số 89840; 20001; 07357; 80215 (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong), là phương tiện phạm tội, vì vậy, tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền Việt Nam 1.030.000 đồng, bị cáo Kh khai do bán ma túy mà có, xét tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Future màu đỏ, biển số 67G1-317.98 và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu đen, biển số 67M2-0719 không liên quan đến tội phạm. Xét, giao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Những vấn đề khác:

Đối với Huỳnh Nhật Ph1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính. Riêng Trần Văn A chưa đủ tuổi xử lý hành chính giao chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là phù hợp nên không đề cập trong vụ án.

Đối với Lâm Thành Nhân (B Hí) bán ma túy cho Kh; các đối tượng Hằng, Báo, Keo (không rõ địa chỉ) đã mua ma túy của Kh hiện đã bỏ địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[10] Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Kh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Kh: 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Kh được tính kể từ ngày 02/01/2019 (*Ngày hai tháng một năm hai nghìn không trăm mười chín*).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái B: 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo B được tính kể từ ngày 30/01/2019 (*Ba mươi tháng một năm hai ngàn không trăm mười chín*).

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì ghi niêm phong vụ 12/KLGT-PC09 (MT) ngày 18/01/2019, bên ngoài có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Kiều Thúy, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận;

+ 01 phong bì ghi niêm phong vụ 13/KLGT-PC09 (MT) ngày 09/01/2019, bên ngoài có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số imei 3544447066400222 cùng 01 sim điện thoại Viettel số 89840; 48008; 82324; 5466 (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, số imei 356951062991462 mặt sau điện thoại bị trầy cùng sim điện thoại Vinaphone số 89840; 20001; 07357; 80215 (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong);

+ Số tiền Việt Nam 1.030.000đ (một triệu không trăm ba chục ngàn đồng). Giấy nộp tiền số 270619 DA 0823 ngày 27/6/2019.

- Giao trả:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Future màu đỏ, biển số 67G1-317.98, số máy 3028184, số khung 028416 (xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong) cho ông Nguyễn Hữu D;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu đen, biển số 67M2-0719, số máy 012907 (xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong) cho bà Lê Huỳnh Thị H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Kh giao nộp số tiền 9.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 135, Điều 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Kh và Nguyễn Thái B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Huỳnh, ông Danh) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (Tr) được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lư Thị Châu Ngọc